

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày: 04-3-2021
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thu L, sinh năm 1961; Địa chỉ nơi cư trú: xã AB, thị xã HN (nay là phường AB, thành phố HN), tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị B (tên gọi khác: M), sinh năm 1964; Địa chỉ nơi cư trú: xã LK, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị Thu L, trình

bày: Vào năm 2008, bà Lê Thị B có tổ chức chơi hụi do bà B làm chủ hụi, thì bà có tham gia chơi. Nhưng đến cuối năm 2013, thì bà B tuyên bố hụi bẻ nên hai bên có đối chiếu sổ hụi với nhau và ngày 08/9/2016 thì bà B có làm giấy thỏa thuận nhận nợ, tổng cộng bà B còn thiếu bà số tiền là 112.190.000 đồng và có thỏa thuận là mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Bắt đầu, bà B trả vào ngày 06/10/2016 trả 1.000.000 đồng, ngày 11/11/2016 trả 700.000 đồng, ngày 12/01/2017 trả 1.400.000 đồng và ngày 30/3/2017 trả 1.000.000 đồng, tổng cộng chị B trả được 4.100.000 đồng, còn lại 108.090.000 đồng. Từ đó bà B không tiếp tục trả theo thỏa thuận nữa. Nay bà yêu cầu bà Lê Thị B trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 108.090.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lê Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để hòa giải và xét xử theo quy định của pháp luật nhưng bà B hoàn toàn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Về tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản. Về việc nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thu L, buộc bà Lê Thị B trả cho bà L số tiền 108.090.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp dân sự về giao dịch hụi” theo đúng nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết thể hiện tuy tranh chấp phát sinh giữa các đương sự xuất phát từ việc bà Võ Thị Thu L chơi hụi do bà Lê Thị B làm chủ, tuy nhiên việc chơi hụi giữa các đương sự đã kết thúc và bắt đầu thỏa thuận trả nợ dần của bà B cho bà L với số tiền cụ thể, do đó Hội đồng xét xử thấy rằng cần thay đổi lại quan hệ tranh chấp của vụ án này là “Đòi lại tài sản” mới đúng với bản chất của sự việc, đúng quy định của pháp luật. Đây là tranh chấp đòi lại tài sản được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Lê Thị B.

[3] Xét yêu cầu của bà Võ Thị Thu L, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn bà Lê Thị B có nợ tiền của bà Võ Thị Thu L, điều đó đã được thể hiện qua giấy thỏa thuận nhận nợ ngày 08/9/2016 là bà B còn nợ bà L với số tiền là 112.190.000 đồng và cam kết mỗi tháng sẽ trả cho bà L 1.000.000 đồng kể từ ngày 04/10/2016 cho đến khi hết nợ; trong quá trình đó bà B có trả cho bà L được 04 lần vào các ngày 06/10/2016 là 1.000.000 đồng, ngày 11/11/2016 là 700.000 đồng, ngày 17/01/2017 là 1.400.000 đồng và ngày 30/3/2017 là 1.000.000 đồng, tổng cộng bà B đã trả được số tiền 4.100.000 đồng; ngoài ra, vào ngày 17/5/2019, bà Lê Thị B cũng có tờ tự khai thừa nhận có nợ tiền của bà L và cam kết mỗi tháng sẽ trả 500.000 đồng từ ngày 17/6/2019 cho đến khi dứt nợ. Vì vậy, việc khởi kiện của bà Võ Thị Thu L là có căn cứ, còn bà B không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà B phải trả số tiền còn thiếu là 108.090.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự 108.090.000 đồng x 5% là 5.404.000 đồng; bà L không phải chịu án phí sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 91, 92, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 166, 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu L. Buộc bà Lê Thị B trả cho bà Võ Thị Thu L số tiền 108.090.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Bà Lê Thị B chịu 5.404.000 đồng (năm triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Võ Thị Thu L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.702.000 đồng (hai triệu bảy trăm lẻ hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001480 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng